

Phụ lục 11**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã số tthc	tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện		ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (28 TTHC)				
1.	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
2.	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	15 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
3.	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	15 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
4.	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	15 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
5.	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	15 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
6.	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
7.	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

8.	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
9.	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
10.	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
11.	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
12.	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
13.	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
14.	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
15.	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
16.	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
17.	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
18.	1.013859	Cấp Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
19.	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
20.	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
21.	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	

22.	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
23.	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
24.	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
25.	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
26.	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
27.	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
28.	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
II	LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (17 TTHC)				
29.	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	40 ngày	20 ngày	
30.	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	12 ngày	
31.	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	12 ngày	
32.	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	30 ngày	15 ngày	
33.	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	20 ngày làm việc tại Sở Tư pháp	10 ngày làm việc tại Sở Tư pháp	
34.	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	
35.	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	17 ngày làm việc	8.5 ngày làm việc	

36.	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	
37.	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
38.	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
39.	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày	5 ngày	
40.	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
41.	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày	5 ngày	
42.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- 3 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng; - 7 ngày làm việc đối với các trường hợp thay đổi khác.	- 1.5 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng; - 3.5 ngày làm việc đối với các trường hợp thay đổi khác.	
43.	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
44.	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
45.	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
III	LĨNH VỰC LUẬT SƯ (20 TTHC)				
46.	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	18 ngày làm việc	9 ngày làm việc	

47.	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	18 ngày làm việc	9 ngày làm việc	
48.	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	12 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
49.	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	18 ngày làm việc	9 ngày làm việc	
50.	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	18 ngày làm việc	9 ngày làm việc	
51.	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	14 ngày làm việc	7 ngày làm việc	
52.	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
53.	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
54.	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
55.	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
56.	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
57.	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	7 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
58.	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	

59.	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
60.	1.002218	Hợp nhất công ty luật	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
61.	1.002234	Sáp nhập công ty luật	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
62.	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
63.	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
64.	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
65.	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
IV	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (09 TTHC)				
66.	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	30 ngày	15 ngày	
67.	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày	4 ngày	
68.	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	20 ngày	8 ngày	
69.	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	18 ngày	
70.	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	18 ngày	
71.	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17 ngày làm việc	8.5 ngày	
72.	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày	12 ngày	

73.	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
74.	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
V	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (13 TTHC)				
75.	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Tại Sở Tư pháp: -20 ngày làm việc: xem xét, cấp Giấy phép thành lập - 05 ngày làm việc: cấp Giấy đăng ký hoạt động	Tại Sở Tư pháp: -10 ngày làm việc: xem xét, cấp Giấy phép thành lập - 2.5 ngày làm việc: cấp Giấy đăng ký hoạt động	
76.	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	15 ngày làm việc tại Sở Tư pháp	7.5 ngày làm việc tại Sở Tư pháp	
77.	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	07 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
78.	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc tại Sở Tư pháp	15 ngày làm việc tại Sở Tư pháp	
79.	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	

80.	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
81.	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
82.	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	15 ngày	6 ngày	
83.	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
84.	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
85.	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	

86.	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
87.	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
VI	LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (08 TTHC)				
88.	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
89.	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
90.	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
91.	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
92.	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	

93.	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
94.	1.001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	3 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	
95.	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của quản tài viên	3 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	
VII	LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (10 TTHC)				
96.	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
97.	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
98.	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
99.	1.013635	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
100.	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	90 ngày	45 ngày	
101.	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
102.	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
103.	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
104.	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	10 ngày	5 ngày	
105.	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	

VIII	LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (13 TTHC)				
106.	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	15 ngày tại Sở Tư pháp và 05 ngày làm việc tại UBNDTP	7.5 ngày tại Sở Tư pháp và 2.5 ngày làm việc tại UBNDTP	
107.	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	7 ngày	3.5 ngày	
108.	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	7 ngày tại Sở Tư pháp và 03 ngày làm việc tại UBNDTP	3.5 ngày tại Sở Tư pháp và 1.5 ngày làm việc tại UBNDTP	
109.	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	7 ngày tại Sở Tư pháp và 3 ngày làm việc tại UBNDTP	3.5 ngày tại Sở Tư pháp và 1.5 ngày làm việc tại UBNDTP	
110.	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày tại Sở Tư pháp và 5 ngày làm việc tại UBNDTP	7.5 ngày tại Sở Tư pháp và 2.5 ngày làm việc tại UBNDTP	
111.	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	7 ngày tại Sở Tư pháp và 5 ngày làm việc tại UBNDTP	3.5 ngày tại Sở Tư pháp và 2.5 ngày làm việc tại UBNDTP	

112.	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
113.	1.008912	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
114.	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
115.	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	15 ngày	6 ngày	
116.	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
117.	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc	

118.	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập.	10 ngày	4 ngày	
IX	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)				
119.	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	105 ngày làm việc (gồm 45 ngày làm việc của địa phương + 60 ngày làm việc của Trung ương	82,5 ngày làm việc (gồm 22,5 ngày làm việc của địa phương + 60 ngày làm việc của Trung ương	
120.	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày làm việc (gồm 23 ngày làm việc của địa phương + 62 ngày làm việc của Trung ương	73,5 ngày làm việc (gồm 11,5 ngày làm việc của địa phương + 62 ngày làm việc của Trung ương	
121.	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày làm việc	35 ngày làm việc	
122.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	- 53 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh thông thường; - 68 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh phức tạp	- 26,5 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh thông thường; - 34 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh phức tạp	
123.	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp	- 9 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 26,5 ngày làm việc đối với	

			không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp)	trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp)	
X	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (05 TTHC)				
124.	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	380 ngày (250 ngày của cơ quan giải quyết TTHC + 90 ngày của các cơ quan liên quan + 60 ngày của Bộ Tư pháp)	275 ngày (125 ngày của cơ quan giải quyết TTHC + 90 ngày của các cơ quan liên quan + 60 ngày của Bộ Tư pháp)	
125.	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	190 ngày (40 ngày của cơ quan giải quyết TTHC + 90 ngày của các cơ quan liên quan + 60 ngày của Bộ Tư pháp)	170 ngày (20 ngày của cơ quan giải quyết TTHC + 90 ngày của các cơ quan liên quan + 60 ngày của Bộ Tư pháp)	
126.	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	

127.	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	50 ngày (35 ngày của cơ quan giải quyết TTHC + 15 ngày lấy ý kiến các cơ quan liên quan)	32,5 ngày (17,5 ngày của cơ quan giải quyết TTHC + 15 ngày lấy ý kiến các cơ quan liên quan)	
128.	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.	Trong thời hạn 7.5 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.	
XI	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (03 TTHC)				
129.	2.002193	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
130.	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	15 ngày	7.5 ngày	
131.	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	49-94 ngày	24.5-47 ngày	
XII	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (02 TTHC)				
132.	1.005464	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	

133.	3.000024	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
XIII	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT (06 TTHC)				
134.	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
135.	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
136.	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
137.	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
138.	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
139.	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
XIV	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (12 TTHC)				
140.	2.000970	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	- 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá tổ chức phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp	- 5 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá tổ chức phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp	

			cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 03 ngày làm việc. Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các tổ chức đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo	cần thiết, có thể kéo dài nhưng không quá 1.5 ngày làm việc. - Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các tổ chức đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 7.5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo	
141.	2.000954	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
142.	2.000840	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	3 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	

143.	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
144.	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
145.	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	7 ngày	3.5 ngày	
146.	1.001233	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
147.	2.001680	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	
148.	2.000829	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu liên quan	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu liên quan	

149.	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 1.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 7.5 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	
150.	2.001687	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	
151.	2.000977	Lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư	- 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 03 ngày làm việc. - Trung tâm Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thông báo kết quả lựa	- 5 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 1.5 ngày làm việc. - Trung tâm Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thông báo kết quả lựa	

			chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo	chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 7.5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo	
XV	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)				
152.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	1.5 ngày (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 5 ngày làm việc)	
153.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	Giữ nguyên do TTHC giải quyết ngay trong ngày	

			ngày làm việc tiếp theo.		
XVI	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (03 TTHC)				
154.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Không cắt gảm
155.	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực	

			thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 2 ngày làm việc	hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 2 ngày làm việc	
156.	2.000884	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (35 TTHC)				
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	

2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.	
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc.	
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc.	
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Giữ nguyên do TTHC giải quyết ngay trong ngày	

7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	3 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
11.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày làm việc)	
12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày)	
13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	

			- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	- 1.5 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	
14.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày nếu không có kết quả xác minh	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	

			quyết không quá 25 ngày.		
18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	2.5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày làm việc.	
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	
20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày)	
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	

22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày	5 ngày	
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	2.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 1.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 3 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 6 ngày làm việc.	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 1,5 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 3 ngày làm việc.	

27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 8 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)	
28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 8 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)	
29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc	
30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì	

			thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	
32.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	
33.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày	
34.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 5 ngày làm việc)	
35.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (13 TTHC)				

36.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
37.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
38.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 Ngày làm việc	01 ngày làm việc	
39.	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc	01 ngày làm việc	
40.	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc	01 ngày làm việc	
41.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
42.	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	

43.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
44.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
45.	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
46.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
47.	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp	

		quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc	nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc	
48.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (5 TTHC)				

49.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày (15 ngày giải quyết TTHC + 15 ngày xin ý kiến các cơ quan liên quan	22.5 ngày ((7,5 ngày giải quyết TTHC + 15 ngày xin ý kiến các cơ quan liên quan	
50.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
51.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	45 ngày	20 ngày	
52.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc	
53.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày		
IV	LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ (05 TTHC)				
54.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	

55.	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
56.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
57.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
58.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
V	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)				
59.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	38.5-43.5 ngày	